TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 07- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Ông Đặng Văn Thuận

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST – HNGĐ ngày 27/06/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T,Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị L và anh Đ (Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lí do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/01/2010 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian hạnh phúc, hòa thuận thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không có tiếng nói chung, tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài thường xuyên cải vã. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 27/06/2010 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/6/2014. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thanh H, giao cháu Bảo N cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/01/2010 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên vì con cái nên anh bỏ qua. Đến nay chị L yêu cầu ly hôn với anh anh không muốn con cái thiếu sự dạy dỗ của bố, mẹ. Do đó anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 27/06/2010 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/6/2014. Nếu vợ, chồng phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 27/06/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/6/2014 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Đ. Anh Đ cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định

đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Đ vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh Đ và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Đ theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Đ đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh Đ cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh Đ.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15/01/2010 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Nay, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn vì muốn con cái có sự dạy dỗ của bố, mẹ. Tuy nhiên HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 27/06/2010 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/6/2014. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giao cháu N cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy ý kiến của các con, cháu N có nguyện vọng được ở với bố, cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét yêu cầu của chị L và anh Đ là chính đáng và hợp pháp. Tuy nhiên để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, tốt nhất.Vì vậy, HĐXX xét thấy nên giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau theo yêu cầu của chị L là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí được trừ vào số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 27/06/2010 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/6/2014 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002261 ngày 18/3/2024. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Đ. Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải